

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai sử dụng tài sản công năm 2024 của Trung Tâm GDKTTH Và HN Lê Thị Hồng Gắm

Căn cứ nghị định 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 quy định việc công khai tình hình sử dụng tài sản công tại các cơ quan, tổ chức;

Thông tư 144/2017/TT-BTC ngày 29 tháng 12 năm 2017 hướng dẫn một số nội dung của nghị định 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017;

Xét đề nghị của Trưởng ban Thanh tra nhân dân Trung Tâm GDKTTH Và HN Lê Thị Hồng Gắm.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai sử dụng tài sản công năm 2024 của Trung Tâm GDKTTH Và HN Lê Thị Hồng Gắm. (theo các biểu mẫu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Bộ phận tài chính và các bộ phận liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này.

Nơi nhận:

- Các bộ phận có liên quan
- Lưu :VT, ...


Giám Đốc
Vũ Quốc Phong

Bộ, tỉnh: Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số 09a-CK/TSC

Cơ quan quản lý cấp trên: Sở giáo dục và đào tạo Thành Phố Hồ Chí Minh

Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Trung tâm Giáo dục kỹ thuật tổng hợp và Hướng nghiệp Lê Thị Hồng Gấm

Mã đơn vị: 1076866

Loại hình đơn vị: Khối sự nghiệp

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG, MUA SẴM, GIAO, THUÊ TÀI SẢN CÔNG

Năm 2024

Stt	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nhãn hiệu	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Giá mua/thuê (Nghìn đồng)	Hình thức mua sắm/thuê	Nhà cung cấp (người bán)	Giá trị các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi thu được khi thực hiện mua sắm (nếu có)	Việc sử dụng các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi (nếu có)		Ghi chú
											Nộp NSNN (Nghìn đồng)	Được để lại đơn vị (Nghìn đồng)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
I	Đầu tư xây dựng, mua sắm						15.950						
4	Tài sản cố định khác						15.950						
	Máy chiếu Epson EB-X06	Cái	1	Epson	Trung Quốc		15.950						
	Tổng cộng						15.950						

Người lập báo cáo

(Ký, họ tên)

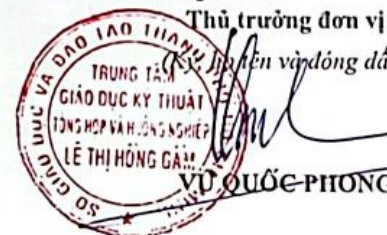


Võ Phụng Loan

Ngày 7 tháng 2 năm 2025

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, họ tên và đóng dấu)



Bộ, tỉnh: Thành phố Hồ Chí Minh

Cơ quan quản lý cấp trên: Sở giáo dục và đào tạo Thành Phố Hồ Chí Minh

Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Trung tâm Giáo dục kỹ thuật tổng hợp và Hướng nghiệp Lê Thị Hồng Gấm

Mã đơn vị: 1076866

Loại hình đơn vị: Khóis sự nghiệp

Mẫu số 09b-CK/TSC

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TRỤ SỞ LÀM VIỆC, CƠ SỞ HOẠT ĐỘNG SỰ NGHIỆP

Năm 2024

STT	Danh mục trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp	Công khai về đất								Công khai về nhà											Ghi chú	
		Diện tích (m2)	Giá trị quyền sử dụng đất theo sổ kế toán (Nghìn đồng)	Hiện trạng sử dụng đất đến thời điểm công khai (m2)						Năm sử dụng	Tổng diện tích sàn sử dụng (m2)	Giá trị theo sổ kế toán (Nghìn đồng)		Hiện trạng sử dụng nhà đến thời điểm công khai (lấy theo diện tích sàn sử dụng (m2))								
				Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp				Sử dụng khác			Nguyên giá	Giá trị còn lại	Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp					Sử dụng khác		
					Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết							Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng hỗn hợp			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	
1	Đất tại 147 pasteur	3.234	204.724.860		3.234																	
2	CĂN TIN									2010	40	82.287	42.789				40					
3	DÂY C (LẤU 3 + 4)									2003	1	1.349.627	782.784		1							
4	HỘI TRƯỞNG A									1975	1	277.498	160.949		1							
5	HỘI TRƯỞNG A1									1975	1	110.579			1							
6	KHO									1988	38	37.161	11.149				38					
7	NHÀ VỆ SINH 1									1971	1	9.603			1							
8	NHÀ VỆ SINH 2									1971	1	165.348			1							
9	NHÀ VỆ SINH 3									1995	1	8.362			1							
10	NHÀ VỆ SINH 4									1995	1	212.543	42.718		1							
11	NHÀ VỆ SINH 5									1988	1	1.829			1							
12	NHÀ VỆ SINH 6									1988	1	3.397			1							
13	NHÀ VỆ SINH 7									1971	1	73.325			1							
14	NHÀ VỆ SINH 8									2008	1	168.639			1							

STT	Danh mục trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp	Công khai về đất								Công khai về nhà											Ghi chú	
		Diện tích (m2)	Giá trị quyền sử dụng đất theo sổ kế toán (Nghìn đồng)	Hiện trạng sử dụng đất đến thời điểm công khai (m2)						Năm sử dụng	Tổng diện tích sàn sử dụng (m2)	Giá trị theo sổ kế toán (Nghìn đồng)		Hiện trạng sử dụng nhà đến thời điểm công khai (lấy theo diện tích sàn sử dụng (m2))								
				Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp				Sử dụng khác			Nguyên giá	Giá trị còn lại	Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp					Sử dụng khác		
					Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết							Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng hỗn hợp			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	
15	PHÒNG A20									1990	1	289.279			1							
16	PHÒNG A20A									1990	1	44.814			1							
17	PHÒNG B1									1973	37	53.611	3.649		37							
18	PHÒNG B2									1973	30	41.405	1.128				30					
19	PHÒNG B3									1971	37	47.337			37							
20	PHÒNG B4									1983	30	34.309			30							
21	PHÒNG B5									1994	28	31.734			28							
22	PHÒNG B6									1994	34	39.323			34							
23	PHÒNG B7									1983	60	102.913			60							
24	PHÒNG BẢO VỆ									1987	1	16.557			1							
25	PHÒNG BỒI DƯỠNG VĂN HÓA NGOÀI GIỜ									1988	1	20.696			1							
26	PHÒNG C10									1971	1	110.110			1							
27	PHÒNG C10A									1971	1	7.515			1							
28	PHÒNG C12									1971	1	53.756			1							
29	PHÒNG C13									1971	1	53.756			1							
30	PHÒNG C20									1971	1	110.110			1							
31	PHÒNG C22									1971	1	53.756			1							
32	PHÒNG C23									1971	1	53.756			1							
33	PHÒNG C4									1987	69	79.104			69							
34	PHÒNG CHỨC NĂNG A2									2010	1	66.124	29.094		1							
35	PHÒNG D11									1971	1	68.980			1							

STT	Danh mục trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp	Công khai về đất								Công khai về nhà												Ghi chú
		Diện tích (m2)	Giá trị quyền sử dụng đất theo sổ kế toán (Nghìn đồng)	Hiện trạng sử dụng đất đến thời điểm công khai (m2)						Năm sử dụng	Tổng diện tích sàn sử dụng (m2)	Giá trị theo sổ kế toán (Nghìn đồng)		Hiện trạng sử dụng nhà đến thời điểm công khai (lấy theo diện tích sàn sử dụng (m2))								
				Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp				Sử dụng khác			Nguyên giá	Giá trị còn lại	Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp					Sử dụng khác		
					Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết							Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng hỗn hợp			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	
36	PHÒNG D12									1971	1	68.980			1							
37	PHÒNG D13									1971	1	68.980			1							
38	PHÒNG D21									1971	1	68.980			1							
39	PHÒNG D22									1971	1	68.980			1							
40	PHÒNG D23									1971	1	68.980			1							
41	PHÒNG D31									1971	1	68.980			1							
42	PHÒNG D32									1971	1	68.980			1							
43	PHÒNG D33									1971	1	68.980			1							
44	PHÒNG D41 + D42 + D43									1971	1	153.288			1							
45	PHÒNG D50									1994	1	65.304	23.043		1							
46	PHÒNG ĐÀO TẠO 1									1971	1	75.372			1							
47	PHÒNG ĐÀO TẠO 2									1971	1	4.569			1							
48	PHÒNG ĐÀO TẠO 3									2016	1	19.910	16.724		1							
49	PHÒNG ĐOÀN THANH NIÊN									1971	1	9.981			1							
50	PHÒNG E									1995	55	56.966			55							
51	PHÒNG E10									1973	24	30.321			24							
52	PHÒNG E11									1973	36	46.442			36							
53	PHÒNG E12									1973	37	46.953			37							
54	PHÒNG E13									1973	38	48.489			38							
55	PHÒNG E20									1996	24	30.321			24							

STT	Danh mục trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp	Công khai về đất								Công khai về nhà											Ghi chú	
		Diện tích (m2)	Giá trị quyền sử dụng đất theo sổ kế toán (Nghìn đồng)	Hiện trạng sử dụng đất đến thời điểm công khai (m2)						Năm sử dụng	Tổng diện tích sàn sử dụng (m2)	Giá trị theo sổ kế toán (Nghìn đồng)		Hiện trạng sử dụng nhà đến thời điểm công khai (lấy theo diện tích sàn sử dụng (m2))								
				Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp				Sử dụng khác			Nguyên giá	Giá trị còn lại	Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp					Sử dụng khác		
					Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết							Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng hỗn hợp			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	
56	PHÒNG E21									1996	113	144.443			113							
57	PHÒNG F									1997	62	89.756			62							
58	PHÒNG GIÁM ĐỐC 1									1988	1	17.755	5.535		1							
59	PHÒNG GIÁM ĐỐC 2									1988	1	17.131	4.132		1							
60	PHÒNG IN RONEO									1971	1	9.981			1							
61	PHÒNG K1									1995	25	26.578			25							
62	PHÒNG K2									1995	27	28.316			27							
63	PHÒNG K3									1995	32	33.709			32							
64	PHÒNG K4									1995	32	33.709			32							
65	PHÒNG K5									1995	29	28.894			29							
66	PHÒNG K6									1995	29	28.894			29							
67	PHÒNG K7									1995	45	47.412			45							
68	PHÒNG K8									1995	45	46.723			45							
69	PHÒNG K9									1995	56	58.064			56							
70	PHÒNG L1									1995	35	36.583			35							
71	PHÒNG L2									1995	35	36.583			35							
72	PHÒNG L3									1995	35	36.583			35							
73	PHÒNG LAB									1971	1	26.412			1							
74	PHÒNG PHÓ GIÁM ĐỐC + PHÒNG GIÁM THỊ I									1971	1	20.724			1							

STT	Danh mục trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp	Công khai về đất								Công khai về nhà											Ghi chú	
		Diện tích (m2)	Giá trị quyền sử dụng đất theo sổ kế toán (Nghìn đồng)	Hiện trạng sử dụng đất đến thời điểm công khai (m2)						Năm sử dụng	Tổng diện tích sàn sử dụng (m2)	Giá trị theo sổ kế toán (Nghìn đồng)		Hiện trạng sử dụng nhà đến thời điểm công khai (lấy theo diện tích sàn sử dụng (m2))								
				Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp				Sử dụng khác			Nguyên giá	Giá trị còn lại	Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp					Sử dụng khác		
					Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết							Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng hỗn hợp			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	
75	PHÒNG PHÓ GIÁM ĐỐC + PHÒNG GIÁM THỊ2									1971	1	1.323			1							
76	PHÒNG PHÓ GIÁM ĐỐC + PHÒNG GIÁM THỊ3									2016	1	33.000	27.720		1							
77	PHÒNG PHỐI CẢNH KIẾN TRÚC									1995	1	24.044			1							
78	PHÒNG S/C XE GẮN MÁY									1983	1	1.784			1							
79	PHÒNG S/C XE GẮN MÁY 1									1983	1	32.525			1							
80	PHÒNG THÍ NGHIỆM 1									1987	1	87.701			1							
81	PHÒNG THÍ NGHIỆM 2									1987	1	25.928			1							
82	PHÒNG THÍ NGHIỆM 3									2016	1	33.000	22.440		1							
83	PHÒNG THIẾT BỊ									1973	1	46.825			1							
84	PHÒNG THƯ VIỆN									1997	1	57.000			1							
85	PHÒNG THỰC HÀNH ĐIỆN TỬ									1994	1	56.136			1							
86	PHÒNG THỰC HÀNH PHỐI CẢNH 1									1990	1	14.124			1							

STT	Danh mục trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp	Công khai về đất								Công khai về nhà											Ghi chú
		Diện tích (m2)	Giá trị quyền sử dụng đất theo sổ kế toán (Nghìn đồng)	Hiện trạng sử dụng đất đến thời điểm công khai (m2)					Năm sử dụng	Tổng diện tích sàn sử dụng (m2)	Giá trị theo sổ kế toán (Nghìn đồng)		Hiện trạng sử dụng nhà đến thời điểm công khai (lấy theo diện tích sàn sử dụng (m2))								
				Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp						Nguyên giá	Giá trị còn lại	Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp					Sử dụng khác		
					Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết						Sử dụng khác	Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết		Sử dụng hỗn hợp	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
87	PHÒNG THỰC HÀNH PHỐI CẢNH 2									1990	1	7.603			1						
88	PHÒNG THỰC HÀNH PHỐI CẢNH 3									1990	1	15.385			1						
89	PHÒNG THỰC HÀNH PHỐI CẢNH 4									1990	1	8.284			1						
90	PHÒNG THỰC HÀNH PHỐI CẢNH 5									1990	1	15.967			1						
91	PHÒNG THỰC HÀNH PHỐI CẢNH 6									1990	1	8.597			1						
92	PHÒNG THỰC HÀNH PHỐI CẢNH 7									1990	1	17.297			1						
93	PHÒNG THỰC HÀNH PHỐI CẢNH 8									1990	1	9.314			1						
94	PHÒNG THỰC HÀNH TIN HỌC 1									1992	52	69.346			52						
95	PHÒNG THỰC HÀNH TIN HỌC 2									1992	1	6.030			1						
96	PHÒNG THỰC HÀNH TIN HỌC 3									1971	1	33.132	19.217		1						

STT	Danh mục trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp	Công khai về đất								Công khai về nhà											Ghi chú	
		Diện tích (m2)	Giá trị quyền sử dụng đất theo sổ kế toán (Nghìn đồng)	Hiện trạng sử dụng đất đến thời điểm công khai (m2)						Năm sử dụng	Tổng diện tích sàn sử dụng (m2)	Giá trị theo sổ kế toán (Nghìn đồng)		Hiện trạng sử dụng nhà đến thời điểm công khai (lấy theo diện tích sàn sử dụng (m2))								
				Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp				Sử dụng khác			Nguyên giá	Giá trị còn lại	Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp					Sử dụng khác		
					Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết							Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng hỗn hợp			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	
97	PHÒNG THỰC HÀNH TIN HỌC 4									1989	1	51.692			1							
98	PHÒNG THỰC HÀNH TIN HỌC 5									1989	1	8.766			1							
99	PHÒNG THỰC HÀNH TIN HỌC 6									1989	1	63.881			1							
100	PHÒNG THỰC HÀNH TIN HỌC 7									1989	1	10.834			1							
101	PHÒNG THỰC HÀNH TIN HỌC 8									1971	1	26.412			1							
102	PHÒNG TIN HỌC 1									1995	1	22.389			1							
103	PHÒNG TIN HỌC 2									1995	1	14.926			1							
104	PHÒNG TIN HỌC 3									1995	1	19.191			1							
105	PHÒNG TIN HỌC 4									1995	1	12.794			1							
106	PHÒNG TUYỂN SINH ANH NGỮ									1995	18	18.605			18							
107	PHÒNG TUYỂN SINH PHIM HOẠT HÌNH									1995	18	18.605			18							
108	PHÒNG Y TẾ									1971	1	26.412			1							
109	XƯỞNG ĐÁNH MÁY CHỮ									1994	1	88.764			1							

8																					
STT	Danh mục trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp	Công khai về đất								Công khai về nhà											Ghi chú
		Diện tích (m2)	Giá trị quyền sử dụng đất theo sổ kế toán (Nghìn đồng)	Hiện trạng sử dụng đất đến thời điểm công khai (m2)						Năm sử dụng	Tổng diện tích sàn sử dụng (m2)	Giá trị theo sổ kế toán (Nghìn đồng)		Hiện trạng sử dụng nhà đến thời điểm công khai (lấy theo diện tích sàn sử dụng (m2))							
				Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp				Sử dụng khác			Nguyên giá	Giá trị còn lại	Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp					Sử dụng khác	
					Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết							Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng hỗn hợp		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
110	XUỐNG ĐIỆN NỘI THẤT 1									1971	61	26.958	15.636		61						
111	XUỐNG ĐIỆN NỘI THẤT 2									1971	78	44.772	25.968		78						
	Tổng cộng:	3.234	204.724.860		3.234						1.519	6.846.496	1.234.674		1.411		108				

Người lập báo cáo

(Ký, họ tên)



Võ Phụng Loan

Ngày 7 tháng 7 năm 2015

Thủ trưởng đơn vị



Bộ, tỉnh: Thành phố Hồ Chí Minh

Cơ quan quản lý cấp trên: Sở giáo dục và đào tạo Thành Phố Hồ Chí Minh

Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Trung tâm Giáo dục kỹ thuật tổng hợp và Hướng nghiệp Lê Thị Hồng Gấm

Mã đơn vị: 1076866

Loại hình đơn vị: Khối sự nghiệp

Mẫu số 09c-CK/TSC

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG XE Ô TÔ VÀ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH KHÁC

Năm 2024

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)			Mục đích sử dụng							
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức năng có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
I	Xe ô tô		2	357.500	257.500	100.000								
1	BKS	NHÀ XE	1	100.000		100.000		x						
2	BKS 51A-0950	NHÀ XE	1	257.500	257.500			x						
II	Tài sản cố định khác		2.455	2.433.534	405.372	2.028.161	544.584							
1	MÁY VI TÍNH FPT	PHÒNG C3	1	13.799		13.799	2.760		x					
2	MÁY VI TÍNH FPT	PHÒNG C3	1	13.799		13.799	2.760		x					
3	MÁY VI TÍNH FPT	PHÒNG C3	1	13.799		13.799	2.760		x					
4	MÁY VI TÍNH FPT	PHÒNG C3	1	13.799		13.799	2.760		x					
5	MÁY VI TÍNH FPT	PHÒNG C3	1	13.799		13.799	2.760		x					
6	MÁY VI TÍNH FPT	PHÒNG C3	1	13.799		13.799	2.760		x					
7	MÁY VI TÍNH FPT	PHÒNG C3	1	13.799		13.799	2.760		x					
8	MÁY VI TÍNH FPT	PHÒNG C3	1	13.799		13.799	2.760		x					
9	MÁY VI TÍNH FPT	PHÒNG C3	1	13.799		13.799	2.760		x					
10	MÁY VI TÍNH FPT	PHÒNG C3	1	13.799		13.799	2.760		x					
11	MÁY VI TÍNH FPT	PHÒNG C3	1	13.799		13.799	2.760		x					
12	MÁY VI TÍNH FPT	PHÒNG C3	1	13.799		13.799	2.760		x					
13	MÁY VI TÍNH FPT	PHÒNG C3	1	13.799		13.799	2.760		x					
14	MÁY VI TÍNH FPT	PHÒNG C3	1	13.799		13.799	2.760		x					
15	MÁY VI TÍNH FPT	PHÒNG C3	1	13.799		13.799	2.760		x					
16	MÁY VI TÍNH FPT	PHÒNG C3	1	13.799		13.799	2.760		x					
17	MÁY VI TÍNH FPT	PHÒNG C3	1	13.799		13.799	2.760		x					



18	MÁY VI TÍNH FPT	PHÒNG C3	1	13.799		13.799	2.760		x					
19	MÁY VI TÍNH FPT	PHÒNG C3	1	13.799		13.799	2.760		x					
20	MÁY VI TÍNH FPT	PHÒNG C3	1	13.799		13.799	2.760		x					
21	MÁY VI TÍNH FPT	PHÒNG C3	1	13.799		13.799	2.760		x					
22	MÁY VI TÍNH FPT	PHÒNG C3	1	13.799		13.799	2.760		x					
23	MÁY VI TÍNH FPT	PHÒNG C3	1	13.799		13.799	2.760		x					
24	MÁY VI TÍNH FPT	PHÒNG C3	1	13.799		13.799	2.760		x					
25	MÁY VI TÍNH FPT	PHÒNG C3	1	13.799		13.799	2.760		x					
26	MÁY VI TÍNH FPT	PHÒNG C3	1	13.799		13.799	2.760		x					
27	MÁY VI TÍNH FPT	PHÒNG C3	1	13.799		13.799	2.760		x					
28	MÁY VI TÍNH FPT	PHÒNG C3	1	13.799		13.799	2.760		x					
29	MÁY VI TÍNH FPT	PHÒNG C3	1	13.799		13.799	2.760		x					
30	MÁY VI TÍNH FPT	PHÒNG C3	1	13.799		13.799	2.760		x					
31	MÁY VI TÍNH FPT	PHÒNG C3	1	13.799		13.799	2.760		x					
32	MÁY VI TÍNH FPT	PHÒNG C3	1	13.799		13.799	2.760		x					
33	MÁY VI TÍNH FPT	PHÒNG C3	1	13.799		13.799	2.760		x					
34	MÁY VI TÍNH FPT	PHÒNG C3	1	13.799		13.799	2.760		x					
35	MÁY VI TÍNH FPT	PHÒNG C3	1	13.799		13.799	2.760		x					
36	MÁY VI TÍNH FPT	PHÒNG C3	1	13.799		13.799	2.760		x					
37	MÁY VI TÍNH FPT	PHÒNG C3	1	13.799		13.799	2.760		x					
38	MÁY VI TÍNH FPT	PHÒNG C3	1	13.799		13.799	2.760		x					
39	ti vi led samsung	PHÒNG C14	1	7.990		7.990			x					
40	ti vi led samsung	PHÒNG C41	1	9.472		9.472			x					
41	ti vi led samsung	PHÒNG D31	1	9.472		9.472			x					
42	ti vi led samsung	PHÒNG D32	1	9.472		9.472			x					
43	ti vi led samsung	PHÒNG C34	1	9.472		9.472			x					
44	ti vi led samsung	PHÒNG C43	1	9.472		9.472			x					
45	ti vi led samsung	PHÒNG C13	1	7.990		7.990			x					
46	ti vi led samsung	PHÒNG D33	1	9.472		9.472			x					
47	ti vi led samsung	PHONG C12	1	7.990		7.990			x					
48	ti vi led samsung	PHÒNG C32	1	9.472		9.472			x					
49	TI VI LED SAMSUNG	PHÒNG C24	1	9.472		9.472			x					
50	ti vi led samsung	PHÒNG C33	1	9.472		9.472			x					

51	ti vi lee samsung	PHÒNG C31	1	9.472		9.472			x					
52	TIVI FULL HD SAMSUNG	PHÒNG C22	1	8.550		8.550			x					
53	TIVI FULL HD SAMSUNG	PHÒNG C42	1	9.472		9.472			x					
54	ti vi led samsung	PHÒNG C21	1	7.990		7.990			x					
55	ti vi led samsung	PHÒNG D22	1	9.472		9.472			x					
56	ti vi led samsung	PHÒNG D21	1	9.472		9.472			x					
57	ti vi led samsung	PHÒNG C11	1	7.990		7.990			x					
58	MÁY VI TÍNH FPT	PHÒNG C3	1	13.799		13.799	2.760		x					
59	MÁY VI TÍNH FPT	PHÒNG C3	1	13.799		13.799	2.760		x					
60	MÁY VI TÍNH FPT	PHÒNG C3	1	13.799		13.799	2.760		x					
61	MÁY VI TÍNH FPT	PHÒNG C3	1	13.799		13.799	2.760		x					
62	MÁY VI TÍNH FPT	PHÒNG C3	1	13.799		13.799	2.760		x					
63	ML Mitsubichi 18CS-S5	PHÒNG TUYỂN SINH LỚP ĐỒ HỌA	1	14.520		14.520	8.712		x					
64	ML Mitsubichi 18CS-S5	PHÒNG E10	1	14.520		14.520	8.712		x					
65	MÁY VI TÍNH FPT	PHÒNG C3	1	13.799		13.799	2.760		x					
66	ML Mitsubichi 18CS-S5	PHÒNG E10	1	14.520		14.520	8.712		x					
67	ML Mitsubichi 18CS-S5	PHÒNG TUYỂN SINH LỚP ĐỒ HỌA	1	14.520		14.520	8.712		x					
68	ML Mitsubichi 18CS-S5	PHÒNG E(PHỤC VỤ BÁN TRÚ)	1	14.520		14.520	8.712		x					
69	Note Book ASUS K40 IT	PHÒNG ĐÀO TẠO	1	11.900	11.900				x					
70	Phần mềm kế toán Misa	PHÒNG KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH	1	12.000		12.000			x					
71	SÂN ĐÈ XE VÀ BỜN HOA	SÂN ĐÈ XE VÀ BỜN HOA	1.200	51.095	51.095				x					
72	TI VI FULL HD SAMSUNG	PHÒNG C23	1	8.550		8.550			x					
73	ti vi led samsung	PHÒNG C44	1	9.472		9.472			x					
74	ML Mitsubichi 18CS-S5	PHÒNG E(PHỤC VỤ BÁN TRÚ)	1	14.520		14.520	8.712		x					
75	MÁY VI TÍNH FPT	PHÒNG C3	1	13.799		13.799	2.760		x					
76	MÁY VI TÍNH FPT	PHÒNG C3	1	13.799		13.799	2.760		x					
77	MÁY VI TÍNH FPT	PHÒNG C3	1	13.799		13.799	2.760		x					
78	MÁY LẠNH DAIKIN	PHÒNG C14	1	13.000		13.000	6.500		x					
79	MÁY LẠNH DAIKIN	PHÒNG C33	1	13.000		13.000	6.500		x					
80	Máy lạnh DAIKIN	PHÒNG C11	1	13.000		13.000	6.500		x					
81	MÁY LẠNH DAIKIN	PHÒNG C42	1	13.000		13.000	6.500		x					

82	MÁY LẠNH DAIKIN	PHÒNG C42	1	13.000		13.000	6.500	x					
83	MÁY LẠNH DAIKIN	PHÒNG C32	1	13.000		13.000	6.500	x					
84	MÁY LẠNH DAIKIN	PHÒNG C13	1	13.000		13.000	6.500	x					
85	MÁY LẠNH DAIKIN	PHÒNG C34	1	13.000		13.000	6.500	x					
86	MÁY LẠNH DAIKIN	PHÒNG C43	1	13.000		13.000	6.500	x					
87	MÁY LẠNH DAIKIN	PHÒNG E(PHỤC VỤ BẢN TRƯ)	1	13.000		13.000	6.500	x					
88	MÁY LẠNH DAIKIN	PHÒNG C14	1	13.000		13.000	6.500	x					
89	MÁY LẠNH DAIKIN	PHÒNG C32	1	13.000		13.000	6.500	x					
90	MÁY LẠNH DAIKIN	PHÒNG C44	1	13.000		13.000	6.500	x					
91	MÁY LẠNH DAIKIN	PHÒNG C11	1	13.000		13.000	6.500	x					
92	MÁY LẠNH DAIKIN	PHÒNG C21	1	13.000		13.000	6.500	x					
93	MÁY LẠNH DAIKIN	PHÒNG C24	1	13.000		13.000	6.500	x					
94	MÁY LẠNH ALASKA	PHÒNG ĐÀO TẠO	1	13.000	13.000		1.625	x					
95	MÁY LẠNH ALASKA	PHÒNG C3	1	13.000	13.000		1.625	x					
96	Máy in canon 3500	PHÒNG KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH	1	13.260	13.260			x					
97	máy chiếu Epson	PHÒNG D11	1	15.950		15.950	9.570	x					
98	CÔNG VÀ TƯỜNG RÀO	CÔNG VÀ TƯỜNG RÀO	177	87.017	87.017			x					
99	ĐƯỜNG ĐI VÀ SÂN CHƠI HỌC SINH	ĐƯỜNG ĐI VÀ SÂN CHƠI HỌC SINH	462	10.800	10.800			x					
100	ĐƯỜNG ĐI VÀ SÂN CHƠI HỌC SINH 1	ĐƯỜNG ĐI VÀ SÂN CHƠI HỌC SINH	462	19.717		19.717		x					
101	Hệ thống loa phóng thanh VCP 12000	PHÒNG ĐÀO TẠO	1	73.367		73.367		x					
102	Laptop HP14-am056TU	PHÒNG PHÓ GIAM ĐỐC CSVC-TÀI CHÍNH	1	14.200		14.200		x					
103	Laptop HP14-am056TU	THIẾT BỊ	1	14.200		14.200		x					
104	MÁY LẠNH DAIKIN	PHÒNG C21	1	13.000		13.000	6.500	x					
105	Laptop HP14-am056TU	PHÒNG ĐÀO TẠO	1	14.200		14.200		x					
106	Laptop HP14-am056TU	PHÒNG GIÁM ĐỐC	1	14.200		14.200		x					
107	Máy bắn tập MBT	PHÒNG AN NINH QUỐC PHÒNG	1	18.500	18.500			x					
108	MÁY BẮN TẬP MBT - 03	PHÒNG AN NINH QUỐC PHÒNG	1	48.300	48.300		31.395	x					
109	Máy bắn tập MBT 03	PHÒNG AN NINH QUỐC PHÒNG	1	18.500	18.500			x					

110	Máy chiếu đa năng	HỘI TRƯỞNG A20	1	30.000	30.000				x					
111	Máy chiếu đa năng	HỘI TRƯỞNG A	1	30.000	30.000				x					
112	Máy chiếu EpSOn EB-X06	PHÒNG D43	1	15.950		15.950	12.760		x					
113	Laptop HP14-am056TU	PHÒNG ĐÀO TẠO	1	14.200		14.200			x					
114	Tivi led samsung	PHÒNG D41	1	30.000	30.000				x					
115	MÁY LẠNH DAIKIN	PHÒNG C12	1	13.000		13.000	6.500		x					
116	MÁY LẠNH DAIKIN	PHÒNG C33	1	13.000		13.000	6.500		x					
117	Máy photo ricoh MB 2550 B	PHÒNG KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH	1	78.540		78.540			x					
118	Máy tính sách tay Asus	PHÒNG GIÁM ĐỐC PHÒNG PHO GIÁM ĐỐC CSVC-TÀI CHÍNH	1	17.845		17.845	10.707		x					
119	Máy vi tính để bàn Core I5	PHÒNG ĐÀO TẠO	1	14.862		14.862			x					
120	Máy vi tính để bàn Core I5	PHÒNG ĐÀO TẠO	1	14.862		14.862			x					
121	Máy vi tính để bàn Core I5	PHÒNG GIÁM THỊ	1	14.862		14.862			x					
122	Máy vi tính để bàn Core I5	PHÒNG THƯ VIỆN	1	14.862		14.862			x					
123	Máy vi tính để bàn Core I5	PHÒNG ĐOÀN THANH NIÊN	1	14.862		14.862			x					
124	Máy vi tính để bàn Core I5	PHÒNG THƯ VIỆN	1	14.862		14.862			x					
125	Máy vi tính để bàn Core I5	PHÒNG KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH	1	14.862		14.862			x					
126	Máy vi tính để bàn Core I5	PHÒNG ĐÀO TẠO	1	14.862		14.862			x					
127	Máy vi tính để bàn Core I5	PHÒNG ĐÀO TẠO	1	14.862		14.862			x					
128	Máy vi tính để bàn Core I5	PHÒNG GHI DANH	1	14.862		14.862			x					
129	MÁY VI TÍNH FPT	PHÒNG C3	1	13.799		13.799	2.760		x					
130	MÁY VI TÍNH FPT	PHÒNG C3	1	13.799		13.799	2.760		x					
131	MÁY VI TÍNH FPT	PHÒNG C3	1	13.799		13.799	2.760		x					
132	Máy lạnh Toshiba	PHÒNG ĐÀO TẠO	1	12.050		12.050			x					
133	MÁY LẠNH MITSUBISHI 18CS	PHÒNG E(PHỤC VỤ BÁN TRÚ)	2	29.600		29.600	11.840		x					
134	MÁY LẠNH MITSUBISHI 18CS	PHÒNG A21	2	29.600		29.600	11.840		x					
135	MÁY LẠNH MITSUBISHI 18CS	PHÒNG D11	2	29.600		29.600	11.840		x					
136	MÁY LẠNH DAIKIN	PHÒNG C22	1	13.000		13.000	6.500		x					
137	MÁY LẠNH DAIKIN	PHÒNG C43	1	13.000		13.000	6.500		x					
138	MÁY LẠNH DAIKIN	PHÒNG C12	1	13.000		13.000	6.500		x					
139	MÁY LẠNH DAIKIN	PHÒNG C41	1	13.000		13.000	6.500		x					
140	MÁY LẠNH DAIKIN	PHÒNG C22	1	13.000		13.000	6.500		x					

141	MÁY LẠNH DAIKIN	PHÒNG C23	1	13.000		13.000	6.500	x					
142	MÁY LẠNH DAIKIN	PHÒNG C44	1	13.000		13.000	6.500	x					
143	MÁY LẠNH DAIKIN	PHÒNG E11	1	13.000		13.000	6.500	x					
144	MÁY LẠNH DAIKIN	PHÒNG C24	1	13.000		13.000	6.500	x					
145	MÁY LẠNH DAIKIN	PHÒNG C23	1	13.000		13.000	6.500	x					
146	MÁY LẠNH DAIKIN	PHÒNG C34	1	13.000		13.000	6.500	x					
147	MÁY LẠNH DAIKIN	PHÒNG C13	1	13.000		13.000	6.500	x					
148	Máy Lạnh Daikin 2.0HP FTF50XV1V/RFS0XV1V	PHÒNG C31	1	16.200		16.200	9.720	x					
149	Máy Lạnh Daikin 2.0HP FTF50XV1V/RFS0XV1V	PHÒNG C31	1	16.200		16.200	9.720	x					
150	MÁY LẠNH MITSUBISHI 18CS	PHÒNG D23	2	29.600		29.600	11.840	x					
151	MÁY LẠNH MITSUBISHI 18CS	PHÒNG D12	2	29.600		29.600	11.840	x					
152	MÁY LẠNH DAIKIN	PHÒNG C41	1	13.000		13.000	6.500	x					
153	Tivi led sharp	PHÒNG D13	1	30.000	30.000			x					

Người lập báo cáo

(Ký, họ tên)


Võ Phụng Loan

Ngày tháng năm



Bộ, tỉnh: Thành phố Hồ Chí Minh

Cơ quan quản lý cấp trên: Sở giáo dục và đào tạo Thành Phố Hồ Chí Minh

Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Trung tâm Giáo dục kỹ thuật tổng hợp và Hướng nghiệp Lê Thị Hồng Gấm

Mã đơn vị: 1076866

Loại hình đơn vị: Khối sự nghiệp

Mẫu số 09d-CK/TSC

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH KHAI THÁC NGUỒN LỰC TÀI CHÍNH TỪ TÀI SẢN CÔNG

Năm 2024

Stt	Tên tài sản	Kinh doanh			Cho thuê						Liên doanh, liên kết					
		Số lượng/ diện tích tài sản kinh doanh	Hình thức kinh doanh	Số tiền thu được từ việc kinh doanh trong năm (Nghìn đồng)	Số lượng/ diện tích tài sản cho thuê	Đơn giá thuê	Tên cơ quan, đơn vị, tổ chức thuê tài sản	Hợp đồng cho thuê tài sản (số ..., ngày...)	Thời hạn cho thuê (từ ... đến ...)	Số tiền thu được từ việc cho thuê tài sản trong năm (Nghìn đồng)	Số lượng/ diện tích tài sản liên doanh, liên kết	Dối tác liên doanh liên kết	Hình thức liên doanh, liên kết	Hợp đồng liên doanh, liên kết (số ..., ngày...)	Thời hạn liên doanh, liên kết (từ ... đến ...)	Số tiền thu được từ việc liên doanh, liên kết trong năm (Nghìn đồng)
1	Đất				650	20.166.667	Lê Thị Ngọc Bích	20/HDGX- LTHG	Từ 01/11/2023- 31/10/2024	112.000.000						
II	Nhà				110	12.962.500	Cty TNHH SX TM DV Thực Phẩm Toàn Thắng	19/HDKT- LTHG	Từ 13/10/2023- 12/10/2024	150.532.258						
III	Xe ô tô															
IV	Tài sản cố định khác															
	Tổng cộng									262.532.258						

Người lập báo cáo

(Ký, họ tên)

Võ Phụng Loan

Ngày 2 tháng 2 năm 2025

Phụ trách đơn vị

(Ký, họ tên và đóng dấu)

LÊ THỊ HỒNG GẤM
TRUNG TÂM GIÁO DỤC KỸ THUẬT TỔNG HỢP VÀ HƯỚNG NGHIỆP
QUỐC PHONG

Bộ, tỉnh: Thành phố Hồ Chí Minh

Cơ quan quản lý cấp trên: Sở giáo dục và đào tạo Thành Phố Hồ Chí Minh

Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Trung tâm Giáo dục kỹ thuật tổng hợp và Hướng nghiệp Lê Thị Hồng Gấm

Mã đơn vị: 1076866

Loại hình đơn vị: Khối sự nghiệp

Mẫu số 09d-CK/TSC

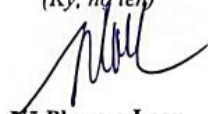
CÔNG KHAI TÌNH HÌNH XỬ LÝ TÀI SẢN CÔNG

Năm 2024

STT	Danh mục tài sản trong kỳ báo cáo được xử lý	Giá trị theo sổ sách kế toán (Nghìn đồng)		Hình thức xử lý theo Quyết định của cấp có thẩm quyền							Kết quả xử lý đến thời điểm báo cáo	Số tiền thu được từ xử lý tài sản (Nghìn đồng)			Chi phí xử lý	Ghi chú
		Nguyên giá		Giá trị còn lại	Điều chuyển	Bán	Thanh lý	Tiêu hủy	Xử lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại	Xử lý khác		Tổng cộng	Đã nộp tài khoản tạm giữ	Chưa nộp tài khoản tạm giữ		
		Nguồn ngân sách	Nguồn khác													
I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
I	Đất															
II	Nhà															
III	Xe ô tô															
IV	Tài sản cố định khác															

Người lập báo cáo

(Ký, họ tên)



Võ Phương Loan

Ngày 7 tháng 1 năm 2025

Trưởng đơn vị

